

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Cần;
- Bà Huỳnh Anh Thư.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 313/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1964; địa chỉ thường trú: tổ 4, khu phố Vĩnh Trường, phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Phan Hồng T2, sinh năm 1968; địa chỉ thường trú: tổ 4, khu phố Vĩnh Trường, phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T và bà Phan Hồng T2 tự nguyện quen biết nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 115/2008, quyền số 01 ngày 24/12/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương chăm sóc nhau nhưng từ đầu năm 2018 giữa ông T và bà T2 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, không tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng ai cũng cho mình là đúng, không tin tưởng với nhau, đã ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Ông T nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Phan Hồng T2.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Ngọc H, sinh ngày 03/12/1990, Phạm Ngọc H, sinh ngày 23/7/1995 và Phạm Ngọc T, sinh ngày 04/4/2005; các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phan Hồng T2 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T2 không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà T2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, được cung cấp thông tin như sau: Bà Phan Hồng T2, sinh năm 1968 có địa chỉ thường trú tại tổ 4, khu phố Vĩnh Trường, phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T2, ông T như thế nào thì đại diện Ủy ban nhân dân phường Tân Vĩnh Hiệp không rõ vì không nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp về hôn nhân của bà T2, ông T. Bà T2 và ông T cũng không yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, hòa giải khi có mâu thuẫn xảy ra vì vậy không xác định được các ông bà có mâu thuẫn như thế nào trong đời sống hôn nhân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập, hòa giải được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của người tham gia tố tụng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Phan Hồng T2; về con chung: có 03 con chung tên Phạm Ngọc H, sinh ngày 03/12/1990, Phạm Ngọc H, sinh ngày 23/7/1995 và Phạm Ngọc T, sinh ngày 04/4/2005; các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Phạm Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phan Hồng T2. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh và quá trình giải quyết vụ án xác định, bà Phan Hồng T2, sinh năm 1968 có địa chỉ thường trú tại tổ 4, khu phố Vĩnh Trường, phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Phan Hồng T2 được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T và bà Phan Hồng T2 chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 115/2008, quyển số 01 ngày 24/12/2008. Theo quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông Phạm Văn T xác định đời sống hôn nhân giữa ông và vợ là bà Phan Hồng T2 không còn hạnh phúc. Từ năm 2018 cho đến nay, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau về kinh tế trong gia đình; vợ chồng đã ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Cả hai đã đưa ra nhiều giải pháp để hàn gắn

tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Phan Hồng T2.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T2 vẫn không đến Tòa án, cho thấy bà T2 không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Về phía ông T, trong quá trình tố tụng xác định hoàn toàn không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với bà T2. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau giữa vợ và chồng nhưng quan hệ hôn nhân của ông T và bà T2 đã không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông T và bà T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Phan Hồng T2 là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Ngọc Huyền, sinh ngày 03/12/1990, Phạm Ngọc Hải, sinh ngày 23/7/1995 và Phạm Ngọc Tấn, sinh ngày 04/4/2005; các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Phạm Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T về việc “Ly hôn” với bị đơn bà Phan Hồng T2 như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Phan Hồng T2.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Ngọc H, sinh ngày 03/12/1990, Phạm Ngọc H, sinh ngày 23/7/1995 và Phạm Ngọc T, sinh ngày 04/4/2005; các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000192 ngày 09-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Lài